TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2017
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
2. Ông Đặng Thế Nghiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Nhật Thành, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, về vụ: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Diệp Tuyết N, sinh năm 1984 (Có mặt)
Nơi ĐKHKTT: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: số 140, đường T, Khóm 2, Phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí N1, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị N và anh N1: Cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/12/2004; Nơi ĐKHKTT: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: số 140, đường T, Khóm 2, phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2017, bản khai và tại phiên tòa chị Diệp

Tuyết N trình bày: Chị với anh Nguyễn Chí N1 do mai mối và tìm hiểu nhau khoản một năm thấy hợp ý nên quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2003, đến ngày 17/3/2005 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nữ trang cưới bên anh N1 tặng chị tổng cộng là 10 chỉ vàng 24Kra, quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để sử dụng cho chi phí sinh hoạt trong gia đình hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N1 không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình vợ con mà thường xuyên đi đánh bài, đá gà cùng bạn bè. Chị có khuyên can và cho anh N1 nhiều cơ hội sữa đổi tính tình nhưng anh không sữa đổi mà ngày càng phát sinh nhiều hơn nên kể từ năm 2014 vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí N1.

Về con chung: Quá trình chung sống hạnh phúc chị và anh N1 có một người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/12/2004 hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị tôn trọng nguyện vọng của con, nếu cháu K muốn sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và chưa yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu K muốn sống chung với anh N1 thì chị đồng ý giao con cho anh N1 nuôi dưỡng và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị N xác định không có.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện C đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ cho anh Nguyễn Chí N1 nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên không có lời khai của anh. Do đó Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh N1 và thông báo kết quả cho anh N1 biết nhưng anh N1 cũng không có ý kiến gì nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh Nguyễn Chí N1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST- HNGĐ ngày 07/12/2017 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Diệp Tuyết N được đảm bảo thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Chí N1 chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho Chị N được ly hôn với anh N1. Về con chung giao cháu Nguyễn Minh K cho chị Nga tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu K. Về tài sản chung chị N không đặt ra yêu cầu giải quyết đề nghị không xét, về nợ chung phải thu phải trả chị N khai không có nên đề nghị không xem xét; Về án phí buộc chị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Chí N1 là bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo kết quả xác nhận của Công an xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh và bà Đỗ Thị Cẩm P là mẹ ruột của anh Nguyện thì anh Nguyễn Chí N1 có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh và đang sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Diệp Tuyết N khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết quyền nuôi con với anh Nguyễn Chí N1. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con.

[3] Anh Nguyễn Chí N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh N1.

Về nội dung:

[4] *Về hôn nhân*: Chị Diệp Tuyết N và anh Nguyễn Chí N1 tự nguyện kết hôn

vào năm 2003, hôn nhân của chị N và anh N1 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 30 quyển số 01 vào ngày 17 tháng 3 năm 2005. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị N và anh N1 là hợp pháp.

[5] Sau khi cưới, chị N và anh N1 sống hạnh phúc đến cuối năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N1 thường xuyên đánh bài, đá gà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, mâu thuẫn này kéo dài cho đến năm 2014. Trong khoản thời gian đó chị N nhiều lần khuyên can và cho anh N1 nhiều cơ hội sửa đổi tính tình, anh N1 cũng nhiều lần hứa sẽ sửa đổi nhưng anh không sửa đổi mà ngày càng phát sinh nhiều hơn nên kể từ năm 2014 chị N và anh N1 đã ly thân, anh N1 bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh sống cho đến nay không quan tâm gì đến chị và con. Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, kiên quyết xin được ly hôn với anh N1.

[6] Anh Nguyễn Chí N mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án và không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên được coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[7] Tuy Tòa án không thu thập được ý kiến của anh N1 nhưng qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương được biết trong cuộc sống thường ngày anh N1 không lo làm ăn mà thường xuyên đánh bài, đá gà…và kết quả xác minh từ bà Đỗ Thị Cẩm P là mẹ ruột của anh N1 cũng cho rằng mâu thuẫn của chị N, anh N1 là do anh N1 còn ham chơi, không lo chí thú làm ăn nên vợ chồng chị N, anh N1 đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Đồng thời trong thời gian sống chung, bà cũng không nghe nói việc chị N, anh N1 có thiếu nợ của ai.

[8] Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh N1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác…" Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra anh N1 không tìm giải pháp khắc phục mà bỏ về nhà mẹ ruột sống không quan tâm gì đến chị N và con chung. Do đó việc chị N xin được ly hôn với anh N1 là có căn cứ phù hợp với định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về con chung:* Thời gian chung sống hạnh phúc chị N và anh N1 có một người con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/12/204 hiện sống chung với chị N. Cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N, chị N cũng đồng ý nhận nuôi cháu K. Xét nguyện vọng của cháu Ki là phù hợp với quy định của pháp luật và

thực tế cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh K.

[10] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] *Về tài sản chung:* Chi N không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[12] *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] *Về án phí*: Chị N là nguyên đơn khởi kiện nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Diệp tuyết N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Tuyết N được ly hôn anh Nguyễn Chí N1.

Về con chung: Chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/12/2004.

Sau khi ly hôn, anh N1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết anh N1 có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Chị Nkhông đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử

không xét.

Về án phí: Chị Diệp Tuyết N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0010417 ngày 25/9/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Diệp Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Chí N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang